TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK LẮK
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

8 01/15

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019, MỞ TẠI HUYỆN EA H'LEO

Thi phần III.2: Những vấn đề cơ bản về Quản lý hành chính Nhà nước

Ngày thi: 05...../03/2019;

Thời gian làm bài: ...180... phút;

Phòng thi: Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ea H'leo

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Văn Thanh Lan	Anh	18/08/1985	02		11	7,75	Bảy, bảy năm
02	Hoàng Văn	An	01/02/1974	02		7	7,5	Bảy, năm
03	Ngô Đức	An	25/9/1979	02		9	7,75	Bảy, bảy năm
04	Trần Ngọc	Anh	02/01/1974	02		6	7,5	Bảy, năm
05	Bế Đình	Anh	02/01/1984	02		2	6,75	Sáu bảy năm
06	Lê Khắc	Cảnh	27/10/1980	02		5	7,0	Bảy
07	Phùng Chí	Cao	02/04/1988	02		56	7,25	Bảy, hai năm
08	Bùi Đức	Chinh	16/10/1974	02		20	8,0	Tám
09	Nguyễn Minh	Chức	27/03/1985	02		44	7,75	Bảy, bảy năm
10	Nguyễn Thành	Chương	15/08/1985	02		36	7,5	Bảy, năm
11	Huỳnh Thị	Đào	20/8/1976	02		33	7,0	Bảy
12	Hà Thành	Đạt	30/6/1973	02		26	7,25	Bảy, hai năm
13	Từ Thị Kim	Diện	26/12/1985	02		32	7,5	Bảy, năm
14	Võ Thị Hồng	Điệp	03/12/1980	03		12	8,0	Tám
15	La Quang	Diêu	12/01/1977	02		43	7,25	Bảy, hai năm
16	Phạm Văn	Đính	02/9/1973	02		23	7,5	Bảy, năm
17	Dương Thị	Dự	04/7/1974	02		50	7,5	Bảy, năm
18	Hồ Sỹ	Dục	26/6/1982	02		16	7,5	Bảy, năm
19	Trần Anh	Dũng	19/9/1966	02		38	7,0	Bảy

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
20	Phạm Văn	Dũng	26/4/1978	02		13	7,0	Bảy
21	Phạm Ngọc	Giang	06/07/1982	02		78	7,5	Bảy, năm
22	Nay	H' Lan	17/05/1981	02		10	7,5	Bảy, năm
23	Phạm Thị	Hà	17/8/1982	02		73	7,75	bảy, bảy năm
24	Vũ Thị Hồng	Hải	05/5/1984	02		53	6,5	Sáu, năm
25	Trần Sơn	Hạt	02/12/1980	02		57	6,75	Sáu, bảy năm
26	Nông Thị	Hiền	15/04/1985	02		37	6,75	Sáu, bảy năm
27	Phan Đức	Hoàng	15/11/1984	03		4	8,0	Tám
28	Nguyễn Tấn	Hoàng	02/9/1979	03		35	7,0	Bảy
29	Trần Thị	Hòe	10/4/1983	02		40	7,75	Bảy, bảy năm
30	Trần Thị Thu	Hồng	29/3/1971	02		17	7,5	Bảy, năm
31	Mai Xuân	Huân	20/07/1981	02	Huân	80	7,5	Bảy, năm
32	Nguyễn Thị	Huệ	22/12/1978	02		25	7,25	Bảy, hai năm
33	Mai Thanh	Hùng	10/01/1979	02		75	8,0	Tám
34	Nguyễn Văn	Hùng	24/04/1981	02		39	7,0	Bảy
35	Đoàn Long	Hưng	07/01/1979	02		74	7,5	Bảy, năm
36	Phạm Việt	Hưng	03/08/1973	02		45	6,75	Sáu, bảy năm
37	Nghiêm Quốc	Khánh	02/9/1969	02		47	7,5	Bảy, năm
38	Nguyễn Anh	Khoa	16/6/1983	02		8	7,5	Bảy, năm
39	Trần	Kiên	13/06/1980	02		49	7,5	Bảy năm
40	Trần Thị Phương	Lan	03/02/1987	02		77	7,25	Bảy, hai năm
41	Hồ Tấn	Lễ	22/10/1981	02		24	7,5	Bảy, năm
42	Lê Văn	Lên	10/05/1978	02		1	7,25	Bảy, hai năm
43	Lê Tấn	Liêm	20/7/1980	02		27	7,5	Bảy, năm
44	Bùi Thị Kim	Liên	04/03/1985	02		31	7,75	Bảy, bảy năm
45	Trần Thị Hải	Liên	24/10/1981	02		3	7,75	Bảy, bảy năm

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
46	Phạm Thị	Liễu	17/9/1971	02		14	7,75	Bảy, bảy năm
47	Nguyễn Đức	Long	01/7/1980	02		22	7,5	Bảy, năm
48	Trần Cửu	Long	07/01/1979	03		29	7,5	Bảy, năm
49	Hà Minh	Luyện	14/06/1977	02		69	6,5	Sáu, năm
50	Nguyễn Thị	Lý	20/12/1969	02		18	7,5	Bảy, năm
51	Nguyễn Thị	Mến	23/11/1975	02		68	7,5	Bảy, năm
52	Mai Thị	Minh	13/03/1972	02		15	7,5	Bảy, năm
53	Bùi Thị Mỹ	My	16/9/1985	02		70	7,0	Bảy
54	Nguyễn Thị Lê	Na	20/8/1987	02		19	8,0	Tám
55	Đinh Thị Tố	Nga	02/01/1986	02		64	7,5	Bảy, năm
56	Chu Thị	Ngọc	05/05/1972	02		48	7,25	Bảy, hai năm
57	Đặng Thị	Nguyệt	28/11/1976	02		60	7,25	Bảy, hai năm
58	Nguyễn Văn	Nhớ	16/08/1986	02		55	7,0	Bảy
59	Trần Đức	Nhuận	04/05/1972	02		71	7,5	Bảy, năm
60	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/01/1987	02		42	7,25	Bảy, hai năm
61	Đinh Thị	Nhung	19/01/1981	02		79	7,25	Bảy, hai năm
62	Phạm Bá	Phong	25/10/1979	02		76	7,25	Bảy, hai năm
63	Phan Thị	Phúc	09/08/1979	03		34	7,25	Bảy, hai năm
64	Trần Huy	Phúc	06/04/1983	02		21	7,5	Bảy, năm
65	Nguyễn Hoàng	Phương	03/07/1979	02		46	7,25	Bảy, hai năm
66	Trần Quang	Thái	10/04/1973	02		28	7,25	Bảy, hai năm
67	Hồ Đắc	Thắng	10/10/1969	02		52	7,0	Bảy
68	Bùi Toàn	Thắng	16/4/1975	02		59	7,75	Bảy, bảy năm
69	Nguyễn Thị Vy	Thanh	30/12/1972	02		58	7,0	Bảy
70	Trần Đình	Thao	12/09/1980	02		62	7,75	Bảy, bảy năm
71	Nguyễn Đức	Thịnh	24/7/1982	02		65	7,5	Bảy, năm

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
72	Nguyễn Thị	Thu	25/06/1985	02		64	7,5	Bảy, năm
73	Nguyễn Kỹ	Thuật	31/07/1978	02		66	7,75	Bảy, bảy năm
74	Nguyễn Thị Bích	Thủy	23/9/1976	02		30	7,5	Bảy, năm
75	Phạm Văn	Trung	01/08/1982	02		63	7,75	Bảy, bảy năm
76	Nguyễn Minh	Tuấn	09/02/1980	02		41	7,5	Bảy, năm
77	Nguyễn Xuân	Tùng	03/9/1966	02		67	7,5	Bảy, năm
78	Phan Thị Ánh	Tuyết	01/07/1984	02		72	7,5	Bảy, năm
79	Bùi Đức	Việt	04/01/1980	02		51	7,5	Bảy, năm
80	Lê Bá	Vũ	10/09/1981	02		54	7,0	Bảy

Tổng số: ...165... tờ/ ...80..... bài

GIÁM THỊ 1

Lê Thị Thu

GIÁM THỊ 2

Nguyễn Tài Bảng

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Sướng

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

BAN GIÁM HIỆU

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Văn Dương

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

Lê Duyên Hà